

Quận 1, ngày 02 tháng 4 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 01/2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90./2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu Học Nguyễn Thái Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 1 năm 2024 theo Quyết định số 02/2024/CK-NTB ngày như sau:

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1/2024	Thực hiện Dự toán Quý 1/2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu	5.290	1.648		
I	Số thu phí, lệ phí	0	0		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	5.290	1.648	31	
	1. Thu sự nghiệp khác	5.241	1.624	31	
	- Thiết bị, vật dụng phục vụ hs bán trú	95	0	0	
	- Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	1.985	661	33	
	- Học phí 2 buổi/ngày	146	78	53	
	- Tổ chức lớp tự chọn - Tin học	235	87	37	
	- Tổ chức Lớp năng khiếu	403	135	33	
	- Tiền tổ chức lớp tự chọn - Anh Văn tăng cường	385	66	17	
	- Tiền tổ chức lớp tự chọn - Anh Văn (Phần mềm hỗ trợ)	567	203	36	
	- Tiền tổ chức lớp tự chọn - Anh Văn (người nước ngoài)	823	258	31	
	- Tiền tổ chức hoạt động giáo dục Kỹ năng sống	603	136	23	
	- Tiền tổ chức hoạt động giáo dục Stem	536	153	29	
	2. Thu cung ứng dịch vụ:	45	23	0	
	- Tiền cho thuê mặt bằng(Cantin)	45	23	50	
	3. Thu lãi tiền gửi ngân hàng:	4	1	31	
	- Lãi gửi ngân hàng	4	1	31	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.655	1.428		
	Chi thường xuyên:				
1	Từ NSNN:	7.657	1.356	18	
	Chi thanh toán cá nhân	6.505	1.296	20	
	Chi tiền lương	3.370	756	22	
	- Lương theo ngạch, bậc	3.370	756	22	
	Phụ cấp lương	2.047	310	15	
	Phụ cấp chức vụ	63	13	21	
	Phụ cấp thêm giờ	260	0	0	
	Phụ cấp ưu đãi	1.129	263	23	
	Phụ cấp trách nhiệm	13	1	8	
	Phụ cấp thâm niên nghề, vượt khung	582	33	6	
	Chi Học bổng học sinh sinh viên	10	0	0	



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1/2024	Thực hiện Dự toán Quý 1/2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Hỗ trợ chi phí học tập	10	0	0	
	Các khoản đóng góp	944	212	22	
	Bảo hiểm xã hội	703	158	22	
	Bảo hiểm y tế	120	27	22	
	Kinh phí công đoàn	80	18	22	
	Bảo hiểm thất nghiệp	40	9	22	
	Thanh toán khác cho cá nhân	134	18	60	
	Chi hỗ trợ GV dạy hòa nhập khuyết tật	104	0	0	
	Trợ cấp, phụ cấp khác (Tiết thực hàng GV Thẻ Dục)	30	18	60	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	188	33	18	
	Thanh toán Dịch vụ công cộng	150	26	17	
	Tiền điện	60	12	20	
	Tiền nước	50	8	16	
	Tiền vệ sinh môi trường	40	6	15	
	Vật tư văn phòng	0	0	0	
	Thông tin Tuyên truyền liên lạc	8	2	25	
	Tuyên truyền, sách báo tạp chí	8	2	25	
	Chi phí hội nghị:	0	0		
	Công tác phí	30	5	17	
	Khoản công tác phí	30	5	17	
	Chi hỗ trợ, giải quyết việc làm	0	0		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	0	0		
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	0	0		
	Chi phí thuê mướn khác	0	0		
	Chi lập các quỹ	0	0		
2	Từ nguồn thu sự nghiệp:	6.558	1.186	18	
	Chi thanh toán cá nhân	2.313	759	33	
	Chi tiền lương (GV dạy buổi 2, quản lý, VP, Hợp đồng trường)	1.580	678	43	
	Các khoản đóng góp	208	62	77	
	Bảo hiểm xã hội	155	46	30	
	Bảo hiểm y tế	27	8	30	
	Kinh phí công đoàn	9	5		
	Bảo hiểm thất nghiệp	18	3	17	
	Thanh toán khác cho cá nhân	525	19	4	
	Chi khác (Trợ cấp lễ, thi đua, khen thưởng)	525	19	4	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	228	60	26	
	Thanh toán Dịch vụ công cộng	144	30	21	
	Tiền điện	60	13	22	
	Tiền nước	60	15	25	
	Tiền vệ sinh môi trường	24	2	8	
	Vật tư văn phòng	48	29	60	
	Văn phòng phẩm	12	0		
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	36	29		
	Thông tin Tuyên truyền liên lạc	31	1	12	
	Cước phí điện thoại, cước phí bưu chính	5	1	12	
	Thuê bao cấp truyền hình	2	0	0	

Đr C Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1/2024	Thực hiện Dự toán Quý 1/2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Cước phí internet, đường truyền mạng	12	0		
	Tuyên truyền, sách báo tạp chí	12	0		
	Chi Hội Nghị	0	0		
	Chi in, mua tài liệu				
	Chi phí khác				
	Công tác phí	5	0		
	Khoán công tác phí	5	0		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	0	14	0	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				
	Nhà cửa		0		
	Tài sản và thiết bị văn phòng		14		
	Đường điện cấp thoát nước				
	Đường sá, cầu cống, bến cảng sân bay		0		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		0		
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	129	8	33	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	20			
	Tài sản và thiết bị văn phòng	0			
	Các thiết bị công nghệ thông tin	30			
	Mua, Bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	20			
	Tài sản và thiết bị khác	20			
	Chi mua hàng hóa, vật tư	5			
	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	24	8	33	
	Chi phí hoạt động chuyên môn của ngành	10			
	Chi phí thuê mướn khác	2.555	344	15	0
	Thuê lao động trong nước	280			
	Chi trả các trung tâm đối tác Tiếng anh, Kỹ năng sống, Stem	2.275	344	15	
	Chi không thường xuyên:	6.119	73		
1	Từ NSNN:	5.997	72	1	
	Chi lương ,Bảo hiểm cho GV phổ cập				
	Chi mua Hàng hóa vật tư				
	Chi mua sắm TSCĐ				
	Chi sửa chữa nhà cửa				
	Chi thực hiện chương trình đào tạo				
	Chi thực hiện các CTMTQG				
	Chi thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước đặt hàng				
	Chi thực hiện tình giãn biên chế (nếu có)				
	Chi ĐTXDCB				
	Chi đối ứng các dự án				
	Chi khác (nếu có) (chi tiết từng nội dung)				
	- Trợ cấp Tết	79	72	91	
	Chi thu nhập tăng thêm	5.918	0	0	
2	Từ nguồn thu sự nghiệp:	122	1	1	
	Chi thực hiện chương trình đào tạo				
	Chi mua sắm, sửa chữa				
	Chi nộp thuế	122	1	1	



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1/2024	Thực hiện Dự toán Quý 1/2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Chi phí ngân hàng		0	0	
3	Chi chênh lệch lương, thu nhập tăng thêm	964	27	3	
	- Từ nguồn CCTL NSNN cấp	964	27	3	
	- Từ nguồn CCTL từ nguồn thu SN	0			
	PHÂN PHỐI KINH PHÍ TIẾT KIỆM ĐƯỢC TỪ KHOẢN CHÊNH LỆCH THU LỚN HƠN CHI	1.211	0		
	Trích CCTL theo quy định	291			
	Chi thu nhập tăng thêm				
	Trích lập các quỹ	920		0	
	Quỹ phúc lợi	63		0	
	Quỹ khen thưởng	53		0	
	Quỹ phát triển HDSN	158		0	
	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	646			
	TỔNG CỘNG CHI	20.213	2.614		

Lập Bảng



Võ Ngọc Khánh Tú



Ngày 02 tháng 4 năm 2023
Hiệu Trưởng

Phạm Ngọc Hiếu